

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 12 - 2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Toàn và ông Phạm Văn
Trương .

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân
huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
534/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
186/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoài L – sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim L1 – sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoài L
trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị Kim L1 tự nguyện chung
sống với nhau vào năm 2008 nhưng không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết
hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó, anh và chị L1 chung sống cùng nhau
tại Tổ A, ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung hạnh phúc đến
năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp,
bất đồng quan điểm. Do đó, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã ly thân

nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim L1.

Về con chung: Anh và chị L1 có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Mai K – sinh ngày: 27/8/2009.

Từ khi anh và chị L1 ly thân nhau đến nay, cháu K do chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu K cho chị L1 tiếp tục nuôi dưỡng và tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoài L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó, vợ chồng chung sống cùng nhau tại Tổ A, ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Do đó, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay anh Nguyễn Hoài L yêu cầu ly hôn, nghĩ cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Mai K – sinh ngày: 27/8/2009.

Từ khi chị và anh L ly thân nhau đến nay, cháu K do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thì Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét anh L và chị L1 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Hoài L và chị Huỳnh Thị Kim L1.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Huỳnh Mai K – sinh ngày: 27/8/2009 cho chị Huỳnh Thị Kim L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Hoài L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L1 không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh L2 và chị L1 kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị buộc anh Nguyễn Hoài L phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoài L khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Kim L1. Chị L1 đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Nguyễn Hoài L và chị Huỳnh Thị Kim L1 là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh L và chị L1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Anh L2 và chị L1 chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay anh L2 yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị L1 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, các Điều 9, 14, 58, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh L2 và chị L1 tự nguyện sống chung với nhau nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy hôn nhân của anh chị là không hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, nay anh L2 có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L2 và chị L1.

[3.2]. Về con chung: Anh L2 và chị L1 có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Mai K – sinh ngày: 27/8/2009.

Chị L1 yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh L2 cũng đồng ý với yêu cầu của chị L1.

Xét thấy, bản thân chị L1 có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngoài ra, cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng chị L1. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L1 không yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L2 và chị L1 kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Nguyễn Hoài L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 11, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Các Điều 9, 14, 58, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;
- Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hoài L và chị Huỳnh Thị Kim L1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh L2 và chị L1 có 01 con chung là Nguyễn Huỳnh Mai K – sinh ngày: 27/8/2009.

Giao con chung cho chị Huỳnh Thị Kim L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Hoài L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L2 có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh L2 và chị L1 kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hoài L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013641 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh L2 và chị L1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã Phú Lộc (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi